

Bản án số: 23/2020/HS-PT
Ngày 20-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Dương

Bà Trần Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Mỹ Hằng– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2020/TLPT-HS ngày 20 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2020/HSPT ngày 10 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Thị Đ, sinh năm 1969 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Xã ĐH, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Vũ Thị L, đều đã chết; có chồng là Lương Văn T, sinh năm 1966 và 03 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 6 năm 2019 đến ngày 24 tháng 6 năm 2019 chuyển tạm giam; ngày 13 tháng 9 năm 2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Bảo lãnh, có mặt.

Bị hại: Chị Lương Thị M, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn TQ, xã TH, huyện TL, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8 năm 2002, Phạm Thị Đ bàn với Vũ Thị Mai T, sinh năm 1977, trú tại thôn Thái Hòa, xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng tìm phụ nữ để dẫn lên thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh bán lấy tiền chi tiêu, T đồng ý. Thông qua chị Phạm Thị D, sinh năm 1985 ở cùng thôn Thái Hòa, T biết chị Lương Thị M, sinh năm 1983 trú tại Thôn TQ, xã TH, huyện TL đang cần tìm việc làm nên T cùng Đ đến nhà chị M rủ chị M đi ra thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh bán hàng cùng Đ vào ngày 12/8/2002, chị M đồng ý.

Trưa ngày 12/8/2002, T bảo chồng là Nguyễn Hồng H, sinh năm 1971 dùng xe máy chở Thu đi đón chị M để cùng Đ đưa chị M đi bán, Hải đồng ý chở T đến đầu cầu Dương Áo thuộc xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng đón chị M, rồi chở đến cầu Mỹ Lộc thuộc xã Tiên Thắng, huyện Tiên Lãng thì gặp Đ bế theo con trai khoảng 01 tuổi cùng chồng là Lương Văn T, sinh năm 1966 đi xe ôm đến. Sau đó, Đ bế con trai cùng T, H, T và chị M đến bến xe trong nội thành Hải Phòng bắt xe ô tô đi thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Đến thành phố Móng Cái, Đ trực tiếp dẫn chị M đi bán cho một người phụ nữ cách bến xe Móng Cái khoảng 200m được 1.800.000 đồng. Đ cầm tiền quay lại chỗ T, H, T ngồi đợi ở gần cầu KaLong và đưa cho T 900.000 đồng, sau đó tất cả về Hải Phòng.

Trong các ngày 16, 17/5/2004, ông Lương Văn T là bố đẻ chị Lương Thị M và chị M đã tố cáo Phạm Thị Đ, Vũ Thị Mai T, Lương Văn T, Nguyễn Hồng H với Cơ quan Công an. Các ngày 17, 19/5/2004, T, H, T bị bắt. Bản án số 315/HSST ngày 05/11/2004 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã xét xử T, H, T đồng phạm tội Mua bán phụ nữ, quy định tại khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 (trong đó, T bị xử phạt 06 năm tù; T và H đều bị xử phạt 05 năm tù).

Sau khi thực hiện hành vi bán chị M cho người phụ nữ không quen biết tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Đ bỏ trốn khỏi địa phương nên đã bị truy nã. Ngày 15/6/2019, Đ bị bắt theo Quyết định truy nã. Ngày 14/10/2019, Đ nộp số tiền thu lời bất chính 900.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiên Lãng.

Quá trình điều tra, truy tố, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên và khai không biết tên, địa chỉ người mua, mục đích mua phụ nữ của người đã mua chị M; không chỉ huy, không phân công vai trò trong việc bán chị M. Đ là người đề xuất và cùng đi với Thu, Tám, Hải đưa chị M đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh bán, sau đó Đ không gặp lại chị M.

Vũ Thị Mai T, Lương Văn T, Nguyễn Hồng H đều khai, sau khi cùng Đ đưa chị M đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh thì Đ là người đưa chị M đi bán và nghe Đ nói đã bán chị M được số tiền 1.800.000 đồng. Thu được Đ chia cho 900.000 đồng.

Chị Lương Thị M vắng mặt tại địa phương, nhưng tại biên bản ghi lời khai các ngày 17, 18/5/2004, chị M khai bị Đ bán cho một người phụ nữ khoảng 30 tuổi tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và bị người phụ nữ này ép bán dâm tại thành phố Móng Cái 04 ngày; sau đó, Đ đến đưa chị M sang Trung Quốc bán vào nhà chứa mại dâm; lợi dụng sơ hở, chị M đã trốn ra ngoài lấy một người đàn ông quốc tịch Trung Quốc. Tại Trung Quốc, chị M đã gặp và rủ chị Nguyễn Thị H,

sinh năm 1976, ở thôn Đoài, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy là người cũng bị bán sang Trung Quốc trốn về Việt Nam vào khoảng tháng 3 năm 2004.

Tại Công văn số 2453/PA08 (Đ5) ngày 26/9/2019, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng trả lời: “*Chị Lương Thị M được Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cấp Hộ chiếu số C6332707 ngày 15/11/2018, có giá trị đến ngày 15/11/2028. Qua kiểm tra trong cơ sở dữ liệu, Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an không thấy thông tin xuất nhập cảnh của chị Lương Thị M*”.

Quá trình điều tra, xác minh, chị Phạm Thị Du, Vũ Thị Mai T, chị Lương Thị M, Nguyễn Thị H đều không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra không thực hiện được việc đối chất giữa Đ với chị M.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2020/HS-ST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 1 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Khóa 14, xử phạt: Phạm Thị Đ 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Mua bán phụ nữ. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. (Được trừ thời gian tạm giam từ 16/6/2019 đến 13/9/2019).

Ngoài ra, còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/01/2020, bị cáo Phạm Thị Đ có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa sau phần xét hỏi, Kiểm sát viên trình bày quan điểm khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị Đ về tội Mua bán phụ nữ theo quy định tại khoản 1 Điều 119 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa 14 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo chưa có tiền án tiền sự, có bố đẻ là người có công với Cách mạng, áp dụng khoản 1 Điều 119 Bộ luật Hình sự 1999 xử bị cáo mức án 05 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không tranh luận và nói lời cuối cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại vắng mặt từ giai đoạn điều tra, nhưng vụ án đã xét xử các đồng phạm Vũ Thị Mai T, Nguyễn Hồng H, Lương Văn T, phần dân sự của vụ án đã giải quyết xong, do vậy việc vắng mặt bị hại trong giai đoạn xét xử sơ thẩm không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt bị hại là có cơ sở đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội có bán chị M cho một người phụ nữ ở Móng Cái, còn họ bán M đi đâu bị cáo không biết.

[4] Vụ án xảy ra tháng 8/2002, bị hại là chị M khai sau khi Đ bán cho người phụ nữ ở Móng Cái, thì 4 ngày sau họ lại bán chị sang Trung Quốc, do vậy ngày 05/11/2004 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã xét xử các bị cáo đồng phạm theo điểm d khoản 2 Điều 199 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng. Nay xét xử bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khoá 14 để áp dụng có lợi cho bị cáo là hoàn toàn chính xác.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Khoản 1 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định mức phạt tù từ hai năm đến bảy năm. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, khai báo thành khẩn, tự nguyện nộp 900.000 đồng tiền thu lợi bất chính thể hiện sự ăn năn hối cải; bố bị cáo có công với Cách mạng, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 5 năm 6 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Tòa án cấp phúc thẩm xét cần giảm cho bị cáo một phần hình phạt, nhưng mức án phải trên khởi điểm của khung hình phạt áp dụng mới đảm bảo sự công bằng pháp luật và mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14, xử phạt: Phạm Thị Đ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Mua bán phụ nữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giam (từ ngày 16/6/2019 đến ngày 13/9/2019).

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo Phạm Thị Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 02/2020/HS-ST ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1;
- VKSND TPHP;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- PV27 Công an TPHP;
- Công an huyện Tiên Lãng;
- TAND huyện Tiên Lãng;
- Cơ quan THA HS huyện Tiên Lãng;
- Sở Tư pháp TP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Hà Nguyễn Văn Dương

Nguyễn Văn Thiệm